

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ VMC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ VMC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VMC DIGITAL TECHNOLOGY SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110374375

**3. Ngày thành lập:** 01/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 Ngách 14 Ngõ 180 Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915766833

Fax:

Email: vmc2023box@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                     | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược)                                                                                | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                      | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                       | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                 | 4659     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                              | 4669     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                | 9511     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                               | 9512     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                             | 9521     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                      | 9522     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201        |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209(Chính) |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311        |
| 17. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                          | 6312        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại                                                                         | 6399        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                  | 4690        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4783        |
| 21. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784        |
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                | 4791        |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                           | 4799        |
| 24. | Xuất bản phần mềm<br>( Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                     | 5820        |
| 25. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                    | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH HẢI   | Việt Nam  | 89B Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 300.000.000           | 30,000    | 027187006217                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG VIỆT | Việt Nam  | 89B Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 700.000.000           | 70,000    | 027081005103                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027081005103

Ngày cấp: 12/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 89B Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 89B Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội